TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 78/2022/DS- ST.
Ngày: 25/3/2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thu Hồng**.
Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà**: không tham gia.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST-DS ngày 09/03/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phan Lệ T, sinh năm 1967.**

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959**.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Chị T có đơn vắng mặt, bà T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Lệ T trình bày*:***

Chị T và bà Nguyễn Thị T1 có mối quan hệ quen biết nhau, do bà T1 nói đang cần tiền để kinh doanh bất động sản nên bà T1 có vay của chị T tổng số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 26/01/2019, bà T1 vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 19/5/2019, bà T1 vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 22/8/2020, bà T1 vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Lần 4: Ngày 21/11/2020, bà T1 vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Lần 5: Ngày 14/01/2021, bà T1 vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Lần 6: Ngày 02/02/2021, bà T1 vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Lần 7: Ngày 13/3/2021, bà T1 vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Lần 8: Ngày 23/3/2021, bà T1 vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Lần 9: Ngày 23/4/2021, bà T1 vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Lần 10: Ngày 30/4/2021, bà T1 vay số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Tất cả các lần vay đều có viết biên nhận, bà T1 có ký tên vào các biên nhận nợ. Bà T1 hẹn đến tháng 9/2021 bà T1 sẽ trả lại đủ cho chị T số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Nhưng bà T1 không thực hiện đúng như cam kết, chị T đã đến tìm gặp bà T1 nhiều lần để yêu cầu bà T1 trả tiền nhưng bà T1 không trả cho đến nay.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

***Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị T1 trình bày**:

Bà có vay của chị Phan Lệ T số tiền vay làm nhiều lần, hiện nay bà còn nợ lại chị Phan Lệ T số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) như chị T trình bày là đúng, các lần vay này bà T1 đều có ký tên ghi họ tên.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu bà trả trả số tiền vay là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi thì bà xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) trả đến khi trả hết số nợ 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phan Lệ T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền vay là 285.000.000 đồng

(hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Phan Lệ T có đơn xin vắng mặt xét xử, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Lệ T yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền vay là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi là có cơ sở, bởi lẻ:

Bà Nguyễn Thị T1 thống nhất thừa nhận bà T1 có vay tiền của chị T như chị T trình bày, chữ ký tên trong các biên nhận đều là do bà T1 ký tên, hiện nay bà T1 còn nợ lại chị T số tiền vay tổng cộng là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng). Nay chị T yêu cầu bà T1 trả số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) thì bà có ý kiến bà xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) trả đến khi trả hết số nợ là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Chị T cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là các Biên nhận có chữ ký tên của bà T1. Bà T1 cũng thống nhất nợ chị T số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu bà T1 trả số tiền lãi.

[5] Về thời gian trả tiền: Bà T1 xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) không được chị T đồng ý, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T, do đó Hội đồng xét xử buộc bà T1 có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Phan Lệ T được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí theo quy định nhưng bà T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Lệ T.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho chị Phan Lệ T số tiền là 285.000.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Phan Lệ T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Nguyễn Thị T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

+ Hoàn lại cho chị Phan Lệ T số tiền là 7.125.000 đồng (bảy triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005914 ngày 11/01/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện G.

*Về quyền kháng cáo: Báo nguyên đơn chị T vắng mặt và bị đơn bà T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chị T, bà T1 nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*__Nơi nhận__:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Gò Công Tây;
-Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh